

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước đánh giá thận trọng của Wold Bank về tình hình sức khỏe các doanh nghiệp trong nước, theo kết quả cuộc điều tra của cơ quan này mới đây.

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK toàn cầu trước các lo ngại về việc cuộc đàm phán các gói kích thích tài khóa của Mỹ bị đình trệ

## [Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

PPC, VCS

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Thị trường trái phiếu tháng 11

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị chờ nhịp điều chỉnh rõ nét về vùng hỗ trợ trước khi mở trở lại các trạng thái ngắn hạn.

10/12/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,030.91	-0.79
VN30	994.28	-0.97
HĐTL VN30F1M	1,002.00	-0.60
HNXIndex	159.30	+0.35
HNX30	274.16	-0.93
UPCoM	68.71	-0.79
USD/VND	23,130	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.38	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	45.89	+0.81
Vàng (LME, \$)	1,832.34	-0.39



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,030.91 (-0.79%)  
**KLGD (triệu CP)** 626.5 (+18.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 577.3 (+14.0%)

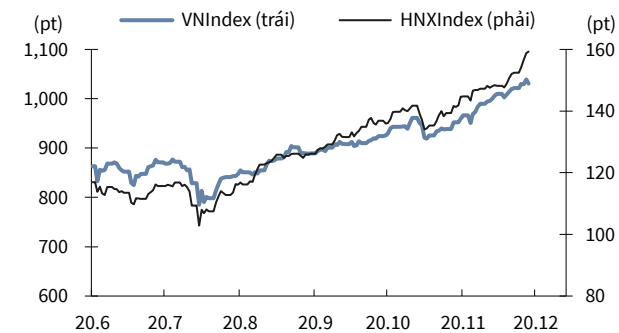
**HNXIndex** 159.30 (+0.35%)  
**KLGD (triệu CP)** 83.9 (-3.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 37.9 (+3.5%)

**UPCoM** 68.71 (-0.79%)  
**KLGD (triệu CP)** 62.4 (+24.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 24.5 (-7.9%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +10.6

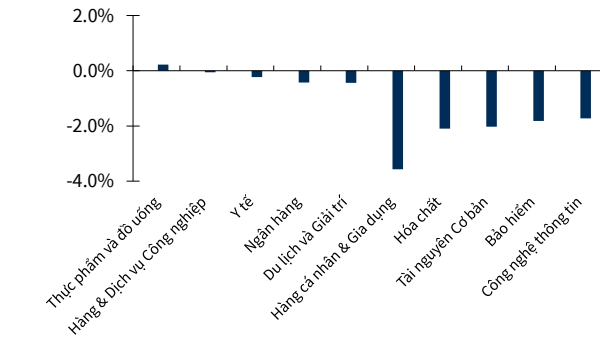
TTCK Việt Nam giảm điểm trước đánh giá thận trọng của Wold Bank về tình hình sức khỏe các doanh nghiệp trong nước, theo kết quả cuộc điều tra của cơ quan này mới đây. Nhóm cổ phiếu ngân hàng giảm giá trước thông tin trên ở CTG (-1.4%), MBB (-1.6%). Giá đầu giảm khi Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho thấy dự trữ dầu thô tại Mỹ vọt 15.2 triệu thùng lên 503.2 triệu thùng trong tuần trước, mức tăng mạnh nhất từng được ghi nhận khiến cổ phiếu nhóm đầu khí giảm giá PVD (-2.6%), PVS (-2.6%). Theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tháng 11 ước đạt 1.1 tỷ USD, lũy kế 11 tháng năm 2020 đạt 10.88 tỷ USD, tăng tới 14.1% so với cùng kỳ năm 2019 giúp cổ phiếu nhóm gỗ giao dịch tích cực hơn thị trường chứng như VIF (+2.9%), GTA (0%). Cổ phiếu nhóm chứng khoán tăng giá như AGR (+4.7%), ORS (+4.9%), trước thông tin từ Chủ tịch UBCKNN cho biết TTCK Việt Nam có thể được nâng hạng trước năm 2025 và năm 2021 có thêm chỉ số mới trên thị trường phái sinh. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng ở HPG (-2.34%), FUEVFVND (-0.19%), VNM (+2.1%).

**VNIndex & HNXIndex**



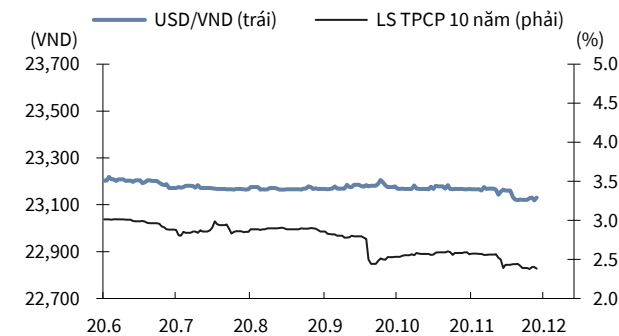
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



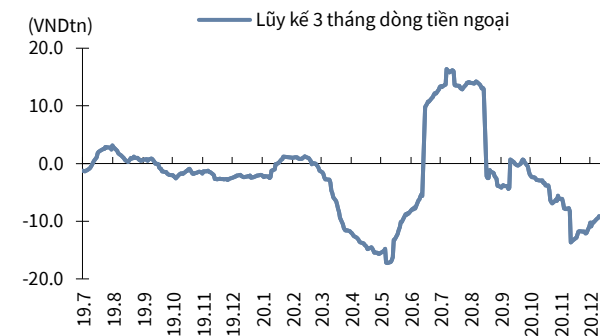
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



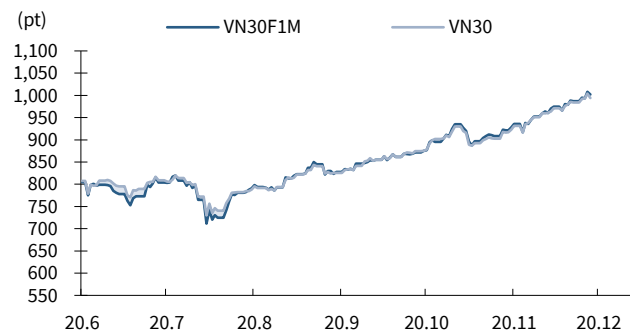
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>994.28 (-0.97%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,002.0 (-0.60%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,007.5</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,010.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>997.3</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>110,890 (+17.5%)</b>

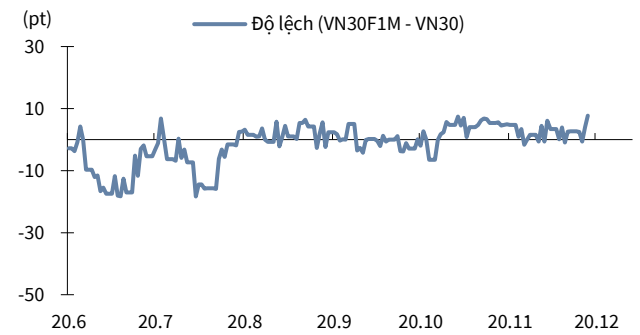
HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK toàn cầu trước các lo ngại về việc cuộc đàm phán các gói kích thích tài khóa của Mỹ bị đình trệ. Chênh lệch F2012 và VN30 mở cửa ở mức 3.47, giao động trong biên độ 0.5 và 4.1; trước khi đóng cửa ở mức 3.4 khi nhà đầu tư nội cover vị thế SHORT vào cuối phiên. NĐTNN mua ròng mạnh phiên hôm nay trong khi thanh khoản được cải thiện.

## HĐTL VN30F1M & VN30



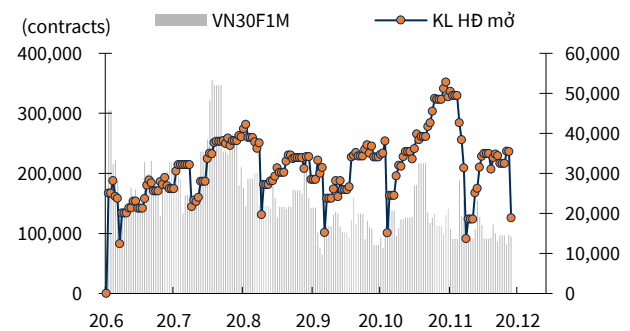
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



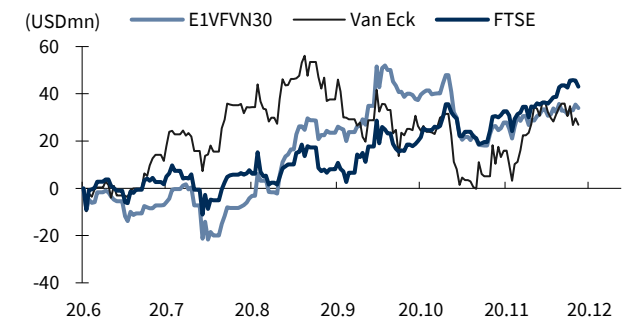
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

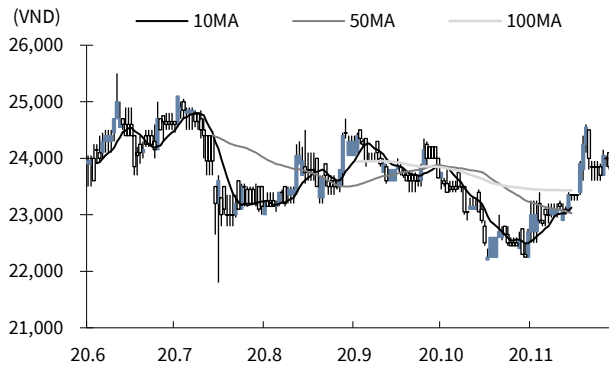
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

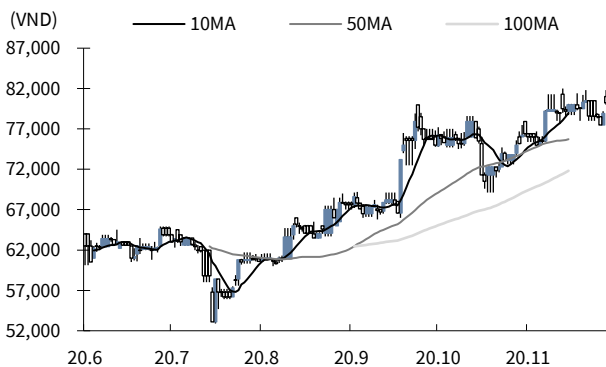
## Nhiệt điện Phả Lại (PPC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PPC giảm -0.6% xuống 23,850 VNĐ/cp.
- PPC thông báo tạm ứng cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 3.5% (350 VNĐ/cp), ngày đăng ký cuối cùng là 21/12/2020 và ngày thanh toán là 12/01/2021, theo đó ước tính doanh nghiệp sẽ trả cho cổ đông tổng cộng là 112.21 tỷ đồng.
- Trước đó doanh nghiệp dự kiến mức cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 20%, thấp hơn mức 25% của năm 2019.

## Vicostone (VCS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCS tăng 1.6% lên 80,200 VNĐ/cp.
- VCS vừa thông qua lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chuyển niêm yết toàn bộ cổ phiếu từ HNX sang HoSE, thời gian lấy ý kiến nội dung này từ 11/12 đến 23/12. Bên cạnh đó, VCS cũng lấy ý kiến phát hành 4.8 triệu cổ phiếu quỹ để thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện tương đương 3.09%, thời gian lấy ý kiến nội dung này từ 8/12 đến 20/12.

# Thị trường trái phiếu tháng 11

## Thanh khoản dư thừa mặc dù tín dụng đã hồi phục

**Trạng thái thanh khoản dư thừa tiếp tục ảnh hưởng tới hoạt động của thị trường tiền tệ trong tháng 11:**

- Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp và các hoạt động thị trường mở kém sôi động.
- Giá trị giao dịch trên thị trường sơ cấp đi ngang, dù nguồn cung từ KBNN sụt giảm, nhờ sự tham gia trở lại của Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội. Giao dịch trên thị trường thứ cấp duy trì tương đối tốt với lợi suất TPCP các kì hạn giảm nhẹ.

**KBSV dự báo mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tăng nhẹ do thanh khoản bớt dồi dào, trong khi lợi suất TP xu hướng đi ngang với cung – cầu đều giảm**

**Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp tăng nhẹ trong tháng 11**

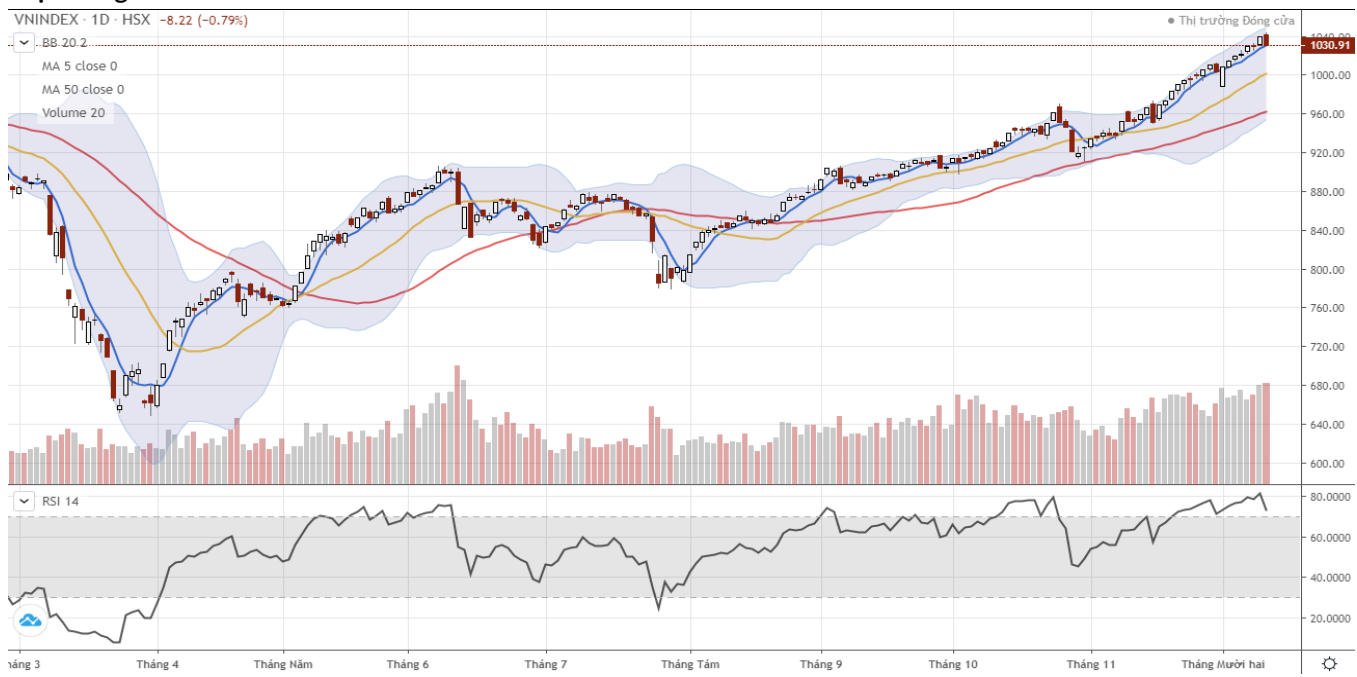
- Nghị định 81/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 1/9/2020 tạo khuôn khổ pháp lý chặt chẽ hơn với hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ làm cho tổng giá trị phát hành trong tháng 11 giảm 80% so với tháng 8.
- Nhóm ngân hàng và bất động sản là những tổ chức phát hành lớn nhất thị trường trong đó kỳ hạn phát hành bình quân trong tháng 11 đạt 4.7 năm. Lãi suất phát hành cao nhất là 13% thuộc về nhóm bất động sản.

**Tiền đồng tăng giá nhẹ trong tháng 11 sau động thái hạ giá mua vào USD của NHNN.**

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

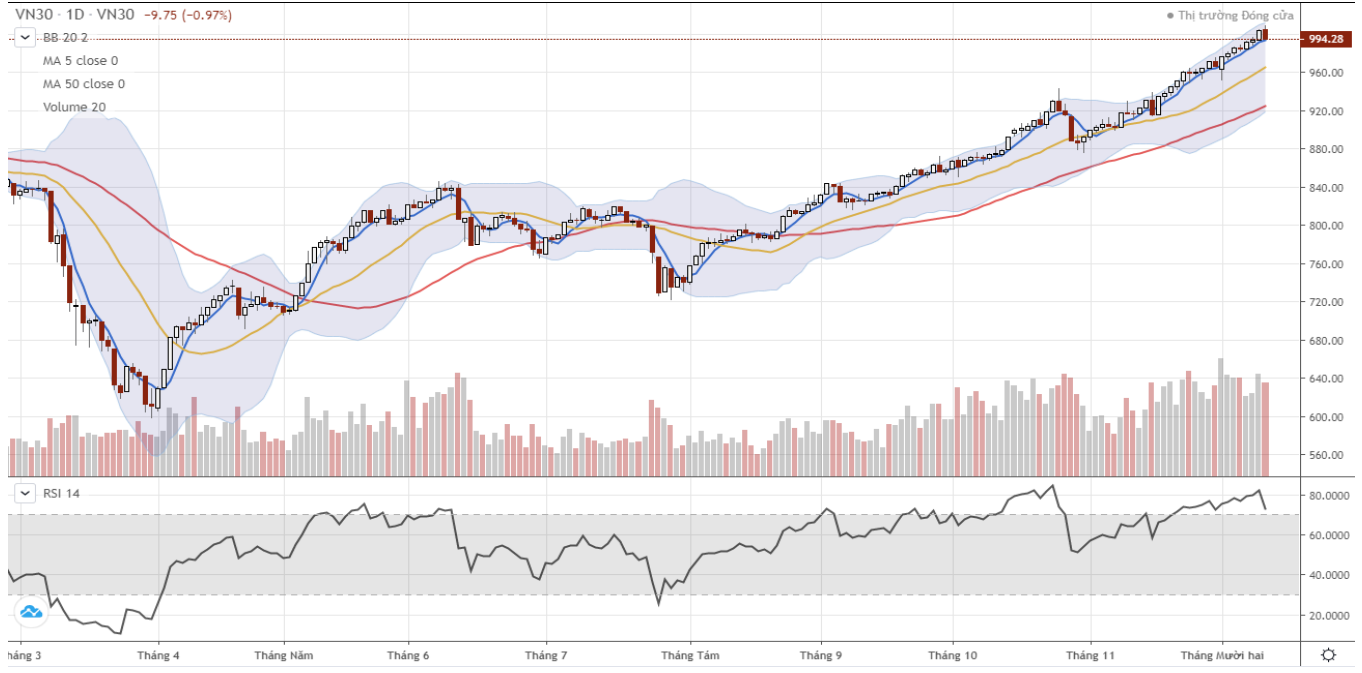
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



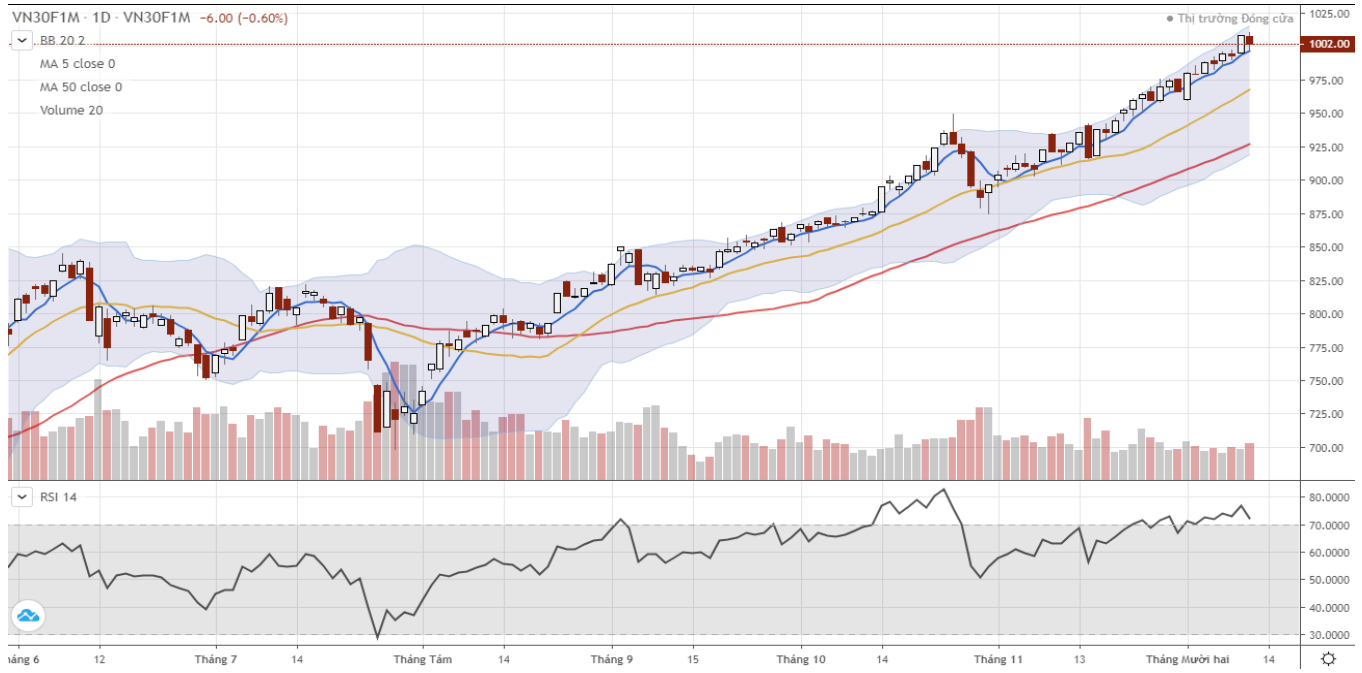
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trước khi lao dốc về cuối phiên.
- Với việc phản ứng với vùng kháng cự quanh 1050 (+5) cùng với sự hình thành của mẫu nến Bearish Engulfing, chúng tôi cho rằng chỉ số đang đối mặt với rủi ro tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn với vùng hỗ trợ gần đáng lưu ý tại 1000-1006.
- NĐT được khuyến nghị chờ nhịp điều chỉnh rõ nét về vùng hỗ trợ trước khi mở trở lại các trạng thái ngắn hạn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1010 - 1015

**Kháng cự gần:** 1004 - 1006

**Hỗ trợ gần:** 997 - 999

**Hỗ trợ xa:** 993 - 996

— F1 diễn biến giằng co trước khi điều chỉnh rõ nét về cuối phiên.

— Diễn biến trong phiên không mấy tích cực sau một giai đoạn tăng điểm kéo dài khiến rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh tiếp tục đứng ở mức cao. Vùng hỗ trợ gần đáng lưu ý của F1 được xác định tại 963-970.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT ở các vùng kháng cự nhưng đặt STOP chặt.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế SHORT đã mở, gia tăng thêm 1 phần trạng thái tại các vùng kháng cự trong phiên nhưng cần đặt STOP chặt.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

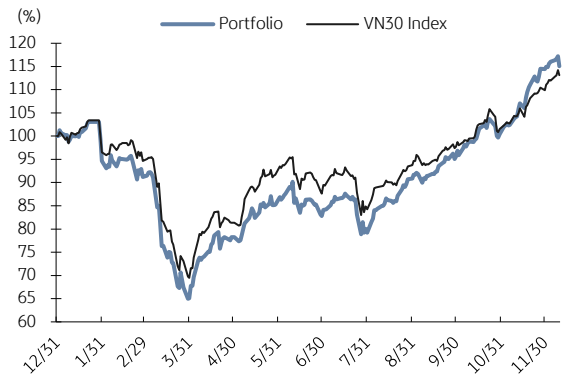
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.97%	-1.83%
Tăng lũy kế (YTD)	13.11%	15.06%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/12/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	113,800	-1.0%	-1.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	29,400	0.3%	20.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	73,000	-6.9%	-4.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,050	-1.6%	22.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	47,300	1.2%	39.1%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	56,500	-1.7%	68.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,000	-1.4%	39.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	84,400	-2.0%	15.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	37,600	-2.3%	92.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	15,750	-2.8%	15.0%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-2.3%	33.2%	366.8
FUEVFNVD	-0.2%	100.0%	118.7
VNM	2.1%	58.1%	71.5
VCB	0.7%	23.7%	68.3
GAS	-2.0%	3.1%	26.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
GMD	3.8%	47.2%	0.0
VSC	-0.8%	28.6%	-197.2
VRE	-0.7%	30.9%	-43.2
MSN	-1.8%	33.7%	-34.0
VCI	-2.2%	26.2%	-22.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHB	-1.7%	6.5%	3.3
PHP	3.3%	0.1%	0.1
VCS	1.7%	3.1%	0.1
SRA	-1.0%	1.5%	0.0
MCF	-2.3%	9.5%	0.0

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.6%	10.6%	-3.8
SHS	-3.2%	7.7%	-1.3
BVS	-3.0%	22.3%	-0.8
CVN	-4.5%	0.9%	-0.3
IVS	3.5%	76.1%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	5.4%	SSI, HCM
Hóa chất	3.9%	GVR, DPM
Ngân hàng	2.4%	VCB, BID
Thực phẩm và đồ uống	1.8%	VNM, SAB
Dầu khí	1.7%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-6.4%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	-1.4%	TCH, DRC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.1%	PNJ, TLG
Bán lẻ	-0.9%	MWG, PET
Bất động sản	-0.5%	VHM, VIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	19.5%	HPG, POM
Dịch vụ tài chính	15.4%	SSI, HCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.6%	GAS, POW
Ngân hàng	12.0%	VCB, BID
Hóa chất	11.3%	GVR, AAA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	0.8%	PNC, YEG
Ô tô và phụ tùng	2.8%	SVC, CSM
Bán lẻ	3.1%	PSH, COM
Y tế	3.3%	DBD, VMD
Du lịch và Giải trí	3.4%	VNG, SCS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	104,900	354,817 (15,340)	91,010 (3.9)	22.8	55.4	40.2	21.0	7.0	9.2	4.1	3.7	-1.0	-0.9	-0.7	-8.8
	VHM	VINHOMES JSC	83,600	275,003 (11,889)	227,715 (9.8)	27.0	10.3	8.9	35.1	37.2	31.2	3.2	2.4	-1.6	-1.5	8.0	-1.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,200	64,079 (2,770)	153,577 (6.6)	18.1	27.1	19.9	-10.7	8.3	11.6	2.3	2.1	-0.7	-0.7	5.6	-17.1
	NVL	NO VA LAND INVES	63,900	63,012 (2,724)	95,484 (4.1)	32.9	16.6	16.0	2.5	14.9	13.4	2.5	2.1	1.8	5.8	3.1	7.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,000	15,647 (676)	53,556 (2.3)	9.9	14.4	12.2	14.5	14.2	15.4	1.9	1.7	1.4	3.5	14.5	9.3
	DXG	DAT XANH GROUP	14,700	7,619 (329)	92,302 (4.0)	12.7	18.4	7.3	-55.2	3.1	14.0	1.0	0.9	-2.0	2.1	15.3	1.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	97,200	360,503 (15,586)	93,487 (4.0)	6.3	22.4	18.9	10.4	19.4	19.1	3.7	3.1	0.7	4.0	14.2	7.8
	BID	BANK FOR INVESTM	43,950	176,768 (7,642)	93,718 (4.0)	12.7	31.6	19.4	-3.8	9.4	11.7	2.2	2.0	0.3	5.6	11.5	-4.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	25,300	88,554 (3,829)	432,901 (18.7)	0.0	8.2	7.0	6.0	16.1	16.0	1.2	1.0	-1.7	1.2	14.5	7.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,000	126,596 (5,473)	313,581 (13.5)	1.0	13.5	10.1	31.2	12.6	14.8	1.6	1.3	-1.4	0.6	11.1	62.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	28,000	68,257 (2,951)	191,934 (8.3)	0.0	7.9	6.8	7.3	18.4	17.7	1.4	1.1	-1.6	-1.1	17.9	40.0
	MBB	MILITARY COMMERC	21,050	58,375 (2,524)	267,479 (11.6)	0.0	7.5	6.5	9.8	18.5	17.7	1.2	1.1	-1.6	0.2	16.3	16.4
	HDB	HDBANK	22,250	35,461 (1,533)	118,679 (5.1)	4.7	8.0	7.2	23.5	19.2	19.0	1.4	1.2	-1.8	2.1	10.7	33.3
	STB	SACOMBANK	15,550	28,047 (1,213)	254,249 (11.0)	14.5	16.0	12.5	11.5	7.2	8.5	1.0	0.9	-2.2	-0.6	14.3	54.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,200	22,903 (990)	56,027 (2.4)	0.0	6.8	6.1	35.0	22.3	20.1	1.4	1.1	-1.1	2.3	13.0	28.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,200	21,146 (914)	4,952 (0.2)	0.0	24.8	28.3	13.6	5.3	4.4	1.3	1.2	0.6	0.0	-0.6	-3.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	56,700	42,090 (1,820)	52,693 (2.3)	20.5	33.1	26.9	4.6	6.6	8.2	2.1	2.0	-2.1	0.5	6.0	-17.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	30,350	2,773 (120)	17,268 (0.7)	14.6	16.6	14.6	9.7	8.5	9.4	1.2	1.2	-2.4	-1.6	12.2	22.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	22,800	13,701 (592)	147,120 (6.4)	51.3	11.8	11.1	-4.1	10.3	11.7	-	-	0.4	12.9	28.8	46.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	43,000	7,121 (308)	49,120 (2.1)	73.8	-	-	-	11.1	13.0	-	-	-2.2	-2.7	6.2	45.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	26,850	8,190 (354)	102,013 (4.4)	51.8	-	-	-	11.0	17.1	-	-	-1.6	7.8	18.0	25.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	19,600	4,087 (177)	42,984 (1.9)	16.0	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-2.5	3.2	14.3	36.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	112,000	234,040 (10,118)	244,467 (10.6)	41.9	22.5	20.6	7.1	38.3	39.1	8.0	7.2	2.1	2.3	4.2	15.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	198,100	127,038 (5,492)	25,440 (1.1)	36.9	29.5	24.4	3.5	22.4	24.9	6.2	5.5	-1.2	1.6	8.8	-13.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	83,900	98,556 (4,261)	98,511 (4.3)	15.3	93.6	38.5	-53.0	2.8	8.2	3.1	3.0	-1.8	0.6	-12.1	48.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,400	15,963 (690)	53,142 (2.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	4.3	3.6	29.1	3.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	119,800	62,756 (2,713)	67,959 (2.9)	11.4	-	28.8	-	0.0	19.7	4.3	3.9	-0.2	0.8	5.6	-18.1
	GMD	GEMADEPT CORP	30,150	8,952 (387)	86,264 (3.7)	1.8	22.2	19.9	-53.3	6.8	7.4	1.5	1.5	3.8	2.2	20.8	29.4
	CII	HO CHI MINH CITY	18,400	4,395 (190)	38,747 (1.7)	41.3	9.7	9.1	135.9	9.1	8.9	0.8	0.8	-1.9	2.8	10.5	-18.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,180	1,237 (053)	10,169 (0.4)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-1.8	-3.1	-87.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,450	9,611 (416)	170,862 (7.4)	35.3	28.0	11.8	-17.7	11.3	12.4	-	-	-2.9	-2.4	4.1	5.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	70,500	5,379 (233)	75,646 (3.3)	2.8	8.8	10.0	-33.8	7.4	6.5	0.6	0.7	0.7	12.6	15.6	37.4
	REE	REE	47,300	14,665 (634)	21,856 (0.9)	0.0	9.6	8.6	-9.0	13.6	13.8	1.3	1.2	1.2	0.2	11.8	30.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	84,400	161,537 (6,984)	114,694 (5,0)	45.9	20.0	17.0	-14.2	17.0	18.4	3.2	3.1	-2.0	-0.1	16.9	-9.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,600	6,794 (294)	8,303 (0.4)	30.0	10.5	10.0	-7.3	14.3	16.5	1.6	1.6	-0.4	0.6	2.2	9.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,850	7,647 (331)	6,046 (0.3)	33.7	9.3	8.8	-14.3	14.2	14.7	1.3	1.2	-0.6	-0.6	7.0	-11.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	37,600	124,579 (5,386)	813,878 (35.2)	15.8	11.0	9.2	15.0	20.7	20.6	2.2	1.8	-2.3	2.0	20.1	92.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,750	6,946 (300)	53,056 (2.3)	36.0	10.2	10.7	7.1	9.6	8.7	0.8	0.8	-1.1	2.6	1.7	37.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,500	6,618 (286)	44,084 (1.9)	46.2	11.6	15.8	-1.5	10.1	7.7	1.0	1.1	-1.2	1.6	-1.2	92.3
	HSG	HOA SEN GROUP	19,900	8,842 (382)	239,104 (10.3)	36.9	9.5	6.8	71.2	13.1	14.7	1.1	0.9	-1.2	7.3	15.7	167.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,850	2,850 (123)	32,101 (1.4)	97.6	6.2	7.1	47.6	13.3	10.5	0.7	0.6	-3.0	-0.4	14.7	6.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,600	62,891 (2,719)	41,402 (1.8)	4.3	55.3	17.6	-42.9	5.0	15.1	2.6	2.3	-1.3	2.0	5.6	-7.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,150	5,538 (239)	116,813 (5.0)	39.6	43.7	45.5	-8.3	0.8	0.8	0.4	0.4	-2.6	-0.8	12.9	-12.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,050	4,224 (183)	44,354 (1.9)	32.7	8.6	7.9	-9.6	10.5	10.6	0.8	0.8	-2.2	2.4	5.7	-10.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	113,800	51,507 (2,227)	130,126 (5.6)	0.0	13.7	10.2	11.6	27.1	28.7	3.4	2.7	-1.0	-0.8	7.4	-0.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	73,000	16,434 (711)	76,944 (3.3)	0.0	17.0	13.9	3.4	21.6	23.8	3.3	2.9	-6.9	-5.8	0.0	-15.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	45,400	1,420 (061)	1,533 (0.1)	70.3	19.1	13.9	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	-1.1	-7.2	0.0	22.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	25,000	1,975 (085)	30,243 (1.3)	20.9	16.8	11.8	-48.9	6.7	12.2	1.3	1.2	-3.1	-2.7	11.6	18.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	60,500	8,198 (354)	79,149 (3.4)	36.1	8.3	7.6	25.2	36.4	31.8	2.7	2.3	-3.7	-7.1	-0.5	58.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,300	13,768 (595)	627 (0.0)	45.2	18.3	18.1	13.6	21.4	20.3	3.6	3.4	-1.1	2.2	2.3	15.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	79,600	5,971 (258)	1,650 (0.1)	29.9	16.9	-	7.3	16.4	-	2.8	-	3.5	6.1	6.1	46.6
IT	FPT	FPT CORP	56,500	44,291 (1,915)	125,286 (5.4)	0.0	12.9	11.2	19.1	22.7	23.5	2.6	2.4	-1.7	1.6	6.6	11.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**  
anhtd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh**  
trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**  
tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**  
anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**  
hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**  
tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**  
hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**  
harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**  
dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**  
danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.